

Số: /BC-UBND
(Dự thảo)

Thanh Chương, ngày 24 tháng 12 năm 2023

BÁO CÁO

Đánh giá kết quả và đề nghị công nhận Thị trấn Thanh Chương đạt chuẩn tiếp cận pháp luật năm 2023

Kính gửi:

- Ủy ban nhân dân huyện Thanh Chương;
- Hội đồng đánh giá chuẩn tiếp cận pháp luật huyện Thanh Chương.

Thực hiện Quyết định số 25/2021/QĐ-TTg ngày 22/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định xã, phường thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật; Thông tư số 09/2021/TT-BTP ngày 15/11/2021 của Bộ Tư pháp hướng dẫn thi hành Quyết định số 25/2021/QĐ-TTg ngày 22/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định xã, phường thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật. Qua quá trình triển khai và thực hiện năm 2023 tại Thị trấn, Ủy ban nhân dân Thị trấn báo cáo đánh giá kết quả và đề nghị công nhận Thị trấn Thanh Chương đạt chuẩn tiếp cận pháp luật năm 2023, cụ thể như sau:

I. KHÁI QUÁT ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH

Thị trấn Thanh Chương là trung tâm kinh tế, chính trị, văn hoá của huyện Thanh Chương, phía Đông giáp xã Thanh Ngọc, xã Thanh Đồng, phía Tây giáp xã Thanh Lĩnh, xã Đồng Văn, phía Nam giáp xã Đồng Văn, xã Thanh Ngọc và phía Bắc giáp xã Thanh Đồng. Tổng diện tích tự nhiên hiện tại là 658,84 ha, trong đó có 60 ha đất sản xuất nông nghiệp. Dân số đông, tốc độ đô thị hóa lớn, hiện tại có 2.848 hộ, với 11.092 nhân khẩu, trong đó người trong độ tuổi lao động là 4616 người. Địa giới hành chính được phân bố trên 07 khối, cơ bản các khối đều có sản xuất nông nghiệp và sản xuất kinh doanh dịch vụ thương mại. Có trên 70 cơ quan, doanh nghiệp, đơn vị đóng trên địa bàn.

Trong năm 2023 các lĩnh vực kinh tế- văn hóa- xã hội trên địa bàn Thị trấn ngày càng phát triển, đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân được đảm bảo, bộ mặt đô thị Thị trấn được chuyển biến mạnh mẽ để trở thành đô thị văn minh. Góp phần không nhỏ vào những kết quả đó là việc cấp ủy, chính quyền, các đoàn thể tại Thị trấn luôn quan tâm triển khai thực hiện để xây dựng Thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật. Nội dung này có ý nghĩa rất quan trọng, nhằm góp phần thúc đẩy tổ chức thi hành pháp luật hiệu quả, hướng tới môi trường pháp lý tiến bộ; quyền, lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, người dân được đảm bảo, thực hiện theo Hiến pháp và pháp luật. Đây cũng là cơ sở quan trọng nhằm tăng cường khả năng tiếp cận pháp luật cho người dân góp phần nâng cao trách nhiệm, hiệu lực, hiệu quả hoạt động của chính quyền địa phương. Năm 2023 công tác xây dựng Thị trấn Thanh Chương đạt chuẩn tiếp cận pháp luật đã đạt được các kết quả cụ thể như sau:

II. KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ THỊ TRẤN ĐẠT CHUẨN TIẾP CẬN PHÁP LUẬT NĂM 2023

1. Về chỉ đạo, hướng dẫn, tổ chức thực hiện:

Để thực hiện có hiệu quả Quyết định số 25/QĐ-TTg ngày 22/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định về xây dựng xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật và Thông tư số 09/2021/TT-BTP ngày 15/11/2021 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn thi hành Quyết định số 25/2021/QĐ-TTg ngày 22/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ. Căn cứ vào Kế hoạch số 26/KH-UBND ngày 11 tháng 02 năm 2023 của UBND huyện Thanh Chương về phổ biến, giáo dục pháp luật; Hòa giải ở cơ sở; xây dựng xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật năm 2023 trên địa bàn huyện và tình hình thực tế tại địa phương. UBND Thị trấn đã ban hành Kế hoạch số 93/KH-UBND ngày 13/02/2023 về công tác phổ biến, giáo dục pháp luật; hòa giải cơ sở; xây dựng Thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật năm 2023; Kế hoạch số 96/KH-UBND ngày 14/02/2023 về thực hiện công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật trên địa bàn thị trấn Thanh Chương năm 2023 và nhiều văn bản khác có liên quan để chỉ đạo, tổ chức triển khai thực hiện công tác xây dựng Thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật.

Bên cạnh đó, UBND Thị trấn cũng lồng ghép tổ chức các cuộc họp để triển khai các văn bản của Trung ương, tỉnh, huyện và Thị trấn về công tác xây dựng Thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật đến toàn bộ cán bộ, công chức và người lao động tại. Qua triển khai cán bộ, công chức và người lao động tại Thị trấn đã nâng cao được nhận thức và tầm quan trọng của công tác xây dựng Thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật, từ đó đã quan tâm triển khai thực hiện các giải pháp có hiệu quả, nâng cao chất lượng các tiêu chí xây dựng Thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật. Ngày 02/12/2023, UBND Thị trấn đã ban hành Công văn số 189/UBND-TP để yêu cầu các ngành, lĩnh vực, các cán bộ, công chức chuyên môn việc tập hợp, cung cấp hồ sơ để phục vụ cho việc đánh giá, chấm điểm xây dựng Thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật năm 2023

2. Kết quả tự chấm điểm, đánh giá các tiêu chí, chỉ tiêu: *(Có bản tổng hợp điểm số của các tiêu chí, chỉ tiêu kèm theo)*

2.1 Tiêu chí 1:

- Số chỉ tiêu đạt điểm tối đa: 02/02 chỉ tiêu.
- Số chỉ tiêu đạt từ 50% số điểm tối đa trở lên: 00/02 chỉ tiêu.
- Số chỉ tiêu đạt điểm 0: 00/02 chỉ tiêu.
- Số điểm đạt được của tiêu chí: 10/10 điểm.

2.2. Tiêu chí 2:

- Số chỉ tiêu đạt điểm tối đa: 06/06 chỉ tiêu.
- Số chỉ tiêu đạt từ 50% số điểm tối đa trở lên: 00/06 chỉ tiêu.
- Số chỉ tiêu đạt điểm 0: 00/06 chỉ tiêu.
- Số điểm đạt được của tiêu chí: 30/30 điểm.

2.3. Tiêu chí 3:

- Số chỉ tiêu đạt điểm tối đa: 01/03 chỉ tiêu.
- Số chỉ tiêu đạt từ 50% số điểm tối đa trở lên: 01/03 chỉ tiêu.
- Số chỉ tiêu đạt điểm 0: 01/03 chỉ tiêu.
- Số điểm đạt được của tiêu chí: 10/15 điểm.

2.4. Tiêu chí 4:

- Số chỉ tiêu đạt điểm tối đa: 05/05 chỉ tiêu.
- Số chỉ tiêu đạt từ 50% số điểm tối đa trở lên: 00/05 chỉ tiêu.
- Số chỉ tiêu đạt điểm 0: 00/05 chỉ tiêu.
- Số điểm đạt được của tiêu chí: 20/20 điểm.

2.5. Tiêu chí 5:

- Số chỉ tiêu đạt điểm tối đa: 04/04 chỉ tiêu.
- Số chỉ tiêu đạt từ 50% số điểm tối đa trở lên: 00/04 chỉ tiêu.
- Số chỉ tiêu đạt điểm 0: 00/04 chỉ tiêu.
- Số điểm đạt được của tiêu chí: 25/25 điểm.

3. Mức độ đáp ứng các điều kiện công nhận đạt chuẩn tiếp cận pháp luật:

- Số tiêu chí đạt từ 50% số điểm tối đa trở lên: 05/05 tiêu chí.
- Tổng điểm số đạt được của các tiêu chí: 95/100 điểm.
- Trong năm đánh giá, không có cán bộ, công chức là người đứng đầu cấp ủy, chính quyền tại Thị trấn bị xử lý kỷ luật hành chính do vi phạm pháp luật trong thi hành công vụ hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự.
- Mức độ đáp ứng các điều kiện công nhận đạt chuẩn tiếp cận pháp luật: 03/03 điều kiện.

III. NHỮNG THUẬN LỢI, KHÓ KHĂN, HẠN CHẾ VÀ KIẾN NGHỊ CÁC GIẢI PHÁP KHẮC PHỤC

1. Thuận lợi:

- UBND huyện, Phòng Tư pháp huyện quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo, hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra; kịp thời giải đáp, tháo gỡ vướng mắc cho địa phương trong quá trình tổ chức đánh giá phường đạt chuẩn tiếp cận pháp luật.

- UBND Thị trấn luôn quan tâm trang bị cơ sở vật chất, các điều kiện khác nhằm nâng cao chất lượng tiếp cận pháp luật của người dân tại cơ sở, tạo điều kiện thuận lợi cho người dân tiếp cận, nâng cao hiểu biết pháp luật, tự giác sống làm việc theo Hiến pháp và pháp luật, góp phần quan trọng vào việc phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng an ninh, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn.

2. Tồn tại, hạn chế, khó khăn, vướng mắc và nguyên nhân

- Công chức tại Thị trấn hiện nay đảm nhiệm khối lượng công việc lớn nên thời gian dành cho việc thực hiện nhiệm vụ xây dựng Thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật chưa đáp ứng được yêu cầu.

- Nhu cầu tiếp cận pháp luật ở một số người dân chưa cao, công tác tuyên truyền có thời điểm chưa hiệu quả.

3. Đề xuất, kiến nghị các giải pháp khắc phục

- Tăng cường vai trò, trách nhiệm, lãnh đạo, chỉ đạo hướng dẫn, tổ chức thực hiện các hoạt động trong việc đánh giá chuẩn tiếp cận pháp luật.

- Tiếp tục tuyên truyền, phổ biến bằng nhiều hình thức, công khai minh bạch trong công tác đánh giá tiếp cận pháp luật để cá nhân và tổ chức hiểu rõ và chấp hành đúng quy định.

- Phát huy các tiêu chí đã thực hiện tốt, bổ sung hoàn thiện các tiêu chí còn chung chung, còn sai sót để từng bước hoàn thiện hồ sơ mang tính khả thi, phù hợp

IV. MỤC TIÊU, KẾ HOẠCH THỰC HIỆN

1. Mục tiêu thực hiện:

Tiếp tục triển khai thực hiện đạt 05 tiêu chí, 20 chỉ tiêu xây dựng phường đạt chuẩn tiếp cận pháp luật theo Quyết định số 25/2021/QĐ-TTg ngày 22/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định về xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật. Phần đầu Thị trấn Thanh Chương đạt chuẩn tiếp cận pháp luật năm 2024 và từng bước nâng cao chất lượng các tiêu chí về xây dựng thị trấn đạt chuẩn đô thị văn minh.

2. Kế hoạch thực hiện

UBND Thị trấn chỉ đạo công chức Tư pháp - Hộ tịch chủ động phối hợp với các công chức khác của Thị trấn tham mưu Ủy ban nhân dân Thị trấn các giải pháp triển khai đạt hiệu quả các tiêu chí xây dựng phường đạt tiếp cận pháp luật theo đúng quy định tại Thông tư 09/2021/TT-BTP của Bộ Tư pháp về hướng dẫn thi hành Quyết định số 25/2021/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ. Tổ chức phối hợp với cán bộ, công chức thực hiện và đề xuất các giải pháp khắc phục tồn tại, hạn chế, cải thiện các điều kiện tiếp cận pháp luật của người dân trên địa bàn.

V. ĐỀ NGHỊ:

Ủy ban nhân dân Thị trấn Thanh Chương kính đề nghị Hội đồng đánh giá chuẩn tiếp cận pháp luật huyện Thanh Chương xem xét, đánh giá trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Thanh Chương quyết định công nhận Thị trấn Thanh Chương đạt chuẩn tiếp cận pháp luật năm 2023

*** Kèm theo báo cáo này gồm có:**

1. Bản tổng hợp điểm số của các tiêu chí, chỉ tiêu;
2. Công văn đề nghị công nhận Thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật năm 2023;
3. Hồ sơ minh chứng

Trên đây báo cáo đánh giá kết quả và đề nghị công nhận Thị trấn Thanh Chương đạt chuẩn tiếp cận pháp luật năm 2023./.

Nơi nhận:

- Như kính gửi (để bc);
- TT Đảng ủy, HĐND, UBND thị trấn;
- Lưu: VP UBND.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Tưởng Đăng Hào

BẢN TỔNG HỢP ĐIỂM SỐ CỦA CÁC TIÊU CHÍ, CHỈ TIÊU

Tiêu chí, chỉ tiêu	Nội dung, cách tính điểm	Điểm số tối đa	Căn cứ chấm điểm		Điểm số tự chấm	Chữ ký của công chức phụ trách
			Số liệu thực hiện (1)	Tỷ lệ đạt được (2)		
Tiêu chí 1	Ban hành văn bản theo thẩm quyền để tổ chức và bảo đảm thi hành Hiến pháp và pháp luật trên địa bàn	10			10	
Chỉ tiêu 1	Ban hành đầy đủ, đúng quy định pháp luật các văn bản quy phạm pháp luật được cơ quan có thẩm quyền giao <i>(Trong năm đánh giá không có nhiệm vụ được giao ban hành văn bản quy phạm pháp luật được tính 03 điểm)</i>	3	Không có nhiệm vụ	100%	3	
	1. Ban hành đầy đủ các văn bản quy phạm pháp luật được giao trong năm đánh giá	1				
	a) Ban hành đầy đủ các văn bản quy phạm pháp luật	1				
	b) Không ban hành từ 01 (một) văn bản quy phạm pháp luật trở lên	0				
	2. Ban hành đúng quy định pháp luật các văn bản quy phạm pháp luật được giao trong năm đánh giá	2				
	a) Ban hành đúng quy định pháp luật các văn bản quy phạm pháp luật	2				
	b) Ban hành từ 01 (một) văn bản quy phạm pháp luật trở lên trái pháp luật và bị cơ quan có thẩm quyền xử lý	0				
Chỉ tiêu 2	Ban hành đúng quy định pháp luật các văn bản hành chính có nội dung liên quan trực tiếp đến quyền, lợi ích của tổ chức, cá nhân (sau đây gọi chung là văn bản hành chính) <i>Tỷ lệ % = (Tổng số văn bản hành chính đã ban hành đúng thẩm quyền, thời hạn và không bị cơ quan có thẩm quyền xử lý do có nội dung trái pháp luật/Tổng số văn bản hành chính đã ban hành trong năm đánh giá) x 100</i>	7	396	100%	7	
	a) Đạt 100%	7	396/396	100%	7	
	b) Từ 95% đến dưới 100%	6				
	c) Từ 90% đến dưới 95%	5				
	d) Từ 85% đến dưới 90%	4				
	đ) Từ 80% đến dưới 85%	3				
	e) Từ 75% đến dưới 80%	2				

	g) Từ 70% đến dưới 75%	1				
	h) Từ 50% đến dưới 70%	0,25				
	i) Dưới 50%	0				
Tiêu chí 2	Tiếp cận thông tin, phổ biến, giáo dục pháp luật	30				
Chỉ tiêu 1	Công khai các thông tin kịp thời, chính xác, đầy đủ theo đúng quy định pháp luật về tiếp cận thông tin và thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn	6			6	
	1. Lập, đăng tải (hoặc niêm yết) Danh mục thông tin phải được công khai, Danh mục thông tin công dân được tiếp cận có điều kiện (sau đây gọi chung là Danh mục thông tin) theo đúng quy định pháp luật	1	Có		1	
	a) Lập Danh mục thông tin có đầy đủ các nội dung thông tin cần công khai và thường xuyên cập nhật Danh mục thông tin theo đúng quy định pháp luật	0,5	Có		0,5	
	b) Đăng tải Danh mục thông tin (xã, phường, thị trấn có Cổng hoặc Trang thông tin điện tử) hoặc niêm yết Danh mục thông tin tại trụ sở của chính quyền cấp xã (xã, phường, thị trấn chưa có Cổng hoặc Trang thông tin điện tử) hoặc bằng hình thức phù hợp khác	0,5	Có		0,5	
	2. Công khai thông tin đúng thời hạn, thời điểm <i>Tỷ lệ % = (Tổng số thông tin đã công khai đúng thời hạn, thời điểm / Tổng số thông tin phải được công khai) x 100</i>	1,5	15/15	100%	1,5	
	a) Đạt 100%	1,5	15/15	100%	1,5	
	b) Từ 90% đến dưới 100%	1				
	c) Từ 80% đến dưới 90%	0,75				
	d) Từ 70% đến dưới 80%	0,5				
	đ) Từ 50% đến dưới 70%	0,25				
	e) Dưới 50%	0				
	3. Công khai thông tin chính xác, đầy đủ <i>Tỷ lệ % = (Tổng số thông tin đã công khai chính xác, đầy đủ / Tổng số thông tin phải được công khai) x 100</i>	2	15/15	100%	2	
	a) Đạt 100%	2	15/15	100%	2	
	b) Từ 90% đến dưới 100%	1,5				
	c) Từ 80% đến dưới 90%	1				
	d) Từ 70 đến dưới 80%	0,5				
	đ) Từ 50% đến dưới 70%	0,25				
	e) Dưới 50%	0				
	4. Hình thức công khai thông tin đúng quy định pháp luật <i>Tỷ lệ % = (Tổng số thông tin đã công khai đúng hình thức theo quy định pháp</i>	1,5	15/15	100%	1,5	

	<i>luật/Tổng số thông tin phải được công khai) x 100</i>					
	a) Đạt 100%	1,5	15/15	100%	1,5	
	b) Từ 90% đến dưới 100%	1				
	c) Từ 80% đến dưới 90%	0,75				
	d) Từ 70% đến dưới 80%	0,5				
	đ) Từ 50% đến dưới 70%	0,25				
	e) Dưới 50%	0				
Chỉ tiêu 2	Cung cấp thông tin theo yêu cầu kịp thời, chính xác, đầy đủ theo đúng quy định pháp luật về tiếp cận thông tin (Trong năm đánh giá không có yêu cầu cung cấp thông tin được tính 05 điểm)	5	<i>Không có yêu cầu</i>		5	
	1. Cung cấp thông tin theo yêu cầu đúng thời hạn <i>Tỷ lệ % = (Tổng số thông tin đã cung cấp đúng thời hạn/Tổng số thông tin có yêu cầu đủ điều kiện cung cấp) x 100</i>	1,5				
	a) Đạt 100%	1,5				
	b) Từ 90% đến dưới 100%	1				
	c) Từ 80% đến dưới 90%	0,75				
	d) Từ 70% đến dưới 80%	0,5				
	đ) Từ 50% đến dưới 70%	0,25				
	e) Dưới 50%	0				
	2. Cung cấp thông tin theo yêu cầu chính xác, đầy đủ <i>Tỷ lệ % = (Tổng số thông tin đã cung cấp chính xác, đầy đủ/Tổng số thông tin có yêu cầu đủ điều kiện cung cấp) x 100</i>	2				
	a) Đạt 100%	2				
	b) Từ 90% đến dưới 100%	1,5				
	c) Từ 80% đến dưới 90%	1				
	d) Từ 70% đến dưới 80%	0,5				
	đ) Từ 50% đến dưới 70%	0,25				
	e) Dưới 50%	0				
	3. Hình thức cung cấp thông tin đúng quy định pháp luật <i>Tỷ lệ % = (Tổng số thông tin đã cung cấp đúng hình thức theo quy định pháp luật/Tổng số thông tin có yêu cầu đủ điều kiện cung cấp) x 100</i>	1,5				
	a) Đạt 100%	1,5				
	b) Từ 90% đến dưới 100%	1				
	c) Từ 80% đến dưới 90%	0,75				
	d) Từ 70% đến dưới 80%	0,5				
	đ) Từ 50% đến dưới 70%	0,25				
	e) Dưới 50%	0				
Chỉ tiêu 3	Ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phổ biến, giáo dục pháp luật hàng năm theo đúng quy định pháp luật về phổ biến, giáo dục pháp luật	8			8	

	1. Ban hành Kế hoạch phổ biến, giáo dục pháp luật đáp ứng yêu cầu về nội dung theo chỉ đạo, hướng dẫn của cơ quan cấp trên	2	01		2	
	a) Ban hành Kế hoạch trong 05 (năm) ngày kể từ ngày Ủy ban nhân dân cấp huyện ban hành Kế hoạch phổ biến, giáo dục pháp luật	2	Trong 5 ngày		2	
	b) Ban hành Kế hoạch sau 05 (năm) ngày kể từ ngày Ủy ban nhân dân cấp huyện ban hành Kế hoạch phổ biến, giáo dục pháp luật	1			1	
	c) Không ban hành Kế hoạch hoặc có ban hành Kế hoạch nhưng không đáp ứng yêu cầu về nội dung theo chỉ đạo, hướng dẫn của cơ quan cấp trên	0				
	2. Triển khai các nhiệm vụ theo Kế hoạch (trừ nội dung của chỉ tiêu 5 của tiêu chí này): <i>Tỷ lệ % = (Tổng số nhiệm vụ, hoạt động đã triển khai và hoàn thành trên thực tế/Tổng số nhiệm vụ, hoạt động đề ra trong Kế hoạch) x 100</i>	4	3/3	100%	4	
	a) Đạt 100%	4	3/3	100%	4	
	b) Từ 90% đến dưới 100%	3				
	c) Từ 80% đến dưới 90%	2				
	d) Từ 70% đến dưới 80%	1				
	đ) Từ 50% đến dưới 70%	0,25				
	e) Dưới 50%	0				
	3. Triển khai các nhiệm vụ phát sinh ngoài Kế hoạch theo chỉ đạo, hướng dẫn của cơ quan cấp trên <i>Tỷ lệ % = (Tổng số nhiệm vụ, hoạt động đã triển khai và hoàn thành trên thực tế/Tổng số nhiệm vụ, hoạt động phát sinh ngoài Kế hoạch theo chỉ đạo, hướng dẫn của cơ quan cấp trên) x 100</i> <i>(Trong năm đánh giá không phát sinh nhiệm vụ ngoài Kế hoạch theo chỉ đạo, hướng dẫn của cơ quan cấp trên được tính 02 điểm)</i>	2		Trong năm không phát sinh nhiệm vụ ngoài kế hoạch	2	
	a) Đạt 100%	2				
	b) Từ 90% đến dưới 100%	1,5				
	c) Từ 80% đến dưới 90%	1				
	d) Từ 70% đến dưới 80%	0,5				
	đ) Từ 50% đến dưới 70%	0,25				
	e) Dưới 50%	0				
Chỉ tiêu 4	Triển khai các hình thức, mô hình thông tin, phổ biến, giáo dục pháp luật hiệu quả tại cơ sở	5				
	a) Có từ 02 (hai) hình thức, mô hình thông tin, phổ biến, giáo dục pháp luật	3	Mô hình CLB “Phụ nữ		3	

	hiệu quả trở lên		với PL” Mô hình CLB “ hoà giải cơ sở”			
	b) Có 01 (một) hình thức, mô hình thông tin, phổ biến, giáo dục pháp luật hiệu quả					
	c) Không có hình thức, mô hình thông tin, phổ biến, giáo dục pháp luật hiệu quả	0				
Chỉ tiêu 5	Tổ chức bồi dưỡng, tập huấn kiến thức, kỹ năng phổ biến, giáo dục pháp luật cho tuyên truyền viên pháp luật theo đúng quy định pháp luật về phổ biến, giáo dục pháp luật <i>Tỷ lệ % = (Tổng số tuyên truyền viên pháp luật được tập huấn, bồi dưỡng/Tổng số tuyên truyền viên pháp luật của cấp xã) x 100</i>	3	14/14	100%	3	
	a) Đạt 100%	3	14/14	100%	3	
	b) Từ 90% đến dưới 100%	2				
	c) Từ 80% đến dưới 90%	1				
	d) Từ 70% đến dưới 80%	0,5				
	đ) Từ 50% đến dưới 70%	0,25				
	e) Dưới 50%	0				
Chỉ tiêu 6	Bảo đảm kinh phí, cơ sở vật chất, phương tiện để thực hiện nhiệm vụ phổ biến, giáo dục pháp luật theo đúng quy định pháp luật về phổ biến, giáo dục pháp luật	3			3	
	a) Số kinh phí được bố trí đã bảo đảm thực hiện 100% số nhiệm vụ quy định tại mục 2 chỉ tiêu 3 của tiêu chí này	3	38.650.000 đồng	100%	3	
	b) Số kinh phí được bố trí đã bảo đảm thực hiện từ 90% đến dưới 100% số nhiệm vụ quy định tại mục 2 chỉ tiêu 3 của tiêu chí này	2				
	c) Số kinh phí được bố trí đã bảo đảm thực hiện từ 80% đến dưới 90% số nhiệm vụ quy định tại mục 2 chỉ tiêu 3 của tiêu chí này	1				
	d) Số kinh phí được bố trí đã bảo đảm thực hiện từ 70% đến dưới 80% số nhiệm vụ quy định tại mục 2 chỉ tiêu 3 của tiêu chí này	0,5				
	đ) Số kinh phí được bố trí đã bảo đảm thực hiện từ 50% đến dưới 70% số nhiệm vụ quy định tại mục 2 chỉ tiêu 3 của tiêu chí này	0,25				
	e) Số kinh phí được bố trí đã bảo đảm thực hiện dưới 50% số nhiệm vụ quy định tại mục 2 chỉ tiêu 3 của tiêu chí này	0				
Tiêu chí 3	Hòa giải ở cơ sở, trợ giúp pháp lý	15			13,75	
Chỉ tiêu 1	Các mâu thuẫn, tranh chấp, vi phạm	7			7	

	pháp luật thuộc phạm vi hòa giải ở cơ sở được hòa giải kịp thời, hiệu quả theo đúng quy định pháp luật về hòa giải ở cơ sở (sau đây gọi chung là vụ, việc hòa giải) <i>(Trong năm đánh giá không phát sinh vụ, việc hòa giải được tính 07 điểm)</i>					
	1. Các vụ, việc hòa giải được tiếp nhận, giải quyết theo đúng quy định pháp luật về hòa giải ở cơ sở <i>Tỷ lệ % = (Tổng số vụ, việc đã hòa giải đúng quy định/Tổng số vụ, việc đã tiếp nhận) x 100</i>	3,5	11/11	100%	3,5	
	a) Đạt 100%	3,5	11/11	100%	3,5	
	b) Từ 90% đến dưới 100%	2,5				
	c) Từ 80% đến dưới 90%	1,5				
	d) Từ 70% đến dưới 80%	0,5				
	đ) Từ 50% đến dưới 70%	0,25				
	e) Dưới 50%	0				
	2. Các vụ, việc hòa giải thành <i>Tỷ lệ % = (Tổng số vụ, việc hòa giải thành/Tổng số vụ, việc được thực hiện hòa giải) x 100</i>	3,5	10/11	100%	3,5	
	a) Đạt 100%	3,5				
	b) Từ 90% đến dưới 100%	2,5	10/11	90%	2,5	
	c) Từ 80% đến dưới 90%	1,5				
	d) Từ 70% đến dưới 80%	0,5				
	đ) Từ 50% đến dưới 70%	0,25				
	e) Dưới 50%	0				
Chỉ tiêu 2	Hỗ trợ kinh phí cho hoạt động hòa giải ở cơ sở theo đúng quy định pháp luật về hòa giải ở cơ sở	4			0	
	1. Có văn bản và dự toán kinh phí hỗ trợ hoạt động hòa giải gửi cơ quan có thẩm quyền cấp trên theo thời hạn quy định	1	không		0	
	2. Tổ hòa giải được hỗ trợ kinh phí đúng mức chi theo quy định của cơ quan có thẩm quyền <i>Tỷ lệ % = (Tổng số tổ hòa giải được hỗ trợ kinh phí đúng mức chi theo quy định/Tổng số tổ hòa giải trên địa bàn) x 100</i>	1,5			0	
	a) Đạt 100%	1,5				
	b) Từ 90% đến dưới 100%	1				
	c) Từ 80% đến dưới 90%	0,75				
	d) Từ 70% đến dưới 80%	0,5				
	đ) Từ 50% đến dưới 70%	0,25				
	e) Dưới 50%	0				
	3. Hỗ trợ thù lao hòa giải viên theo vụ, việc đúng mức chi theo quy định của cơ quan có thẩm quyền	1,5	0		0	

	<i>Tỷ lệ % = (Tổng số vụ, việc hòa giải đã giải quyết được hỗ trợ thù lao cho hòa giải viên đúng mức chi theo quy định/Tổng số vụ, việc hòa giải đã giải quyết) x 100</i>					
	a) Đạt 100%	1,5			0	
	b) Từ 90% đến dưới 100%	1				
	c) Từ 80% đến dưới 90%	0,75				
	d) Từ 70% đến dưới 80%	0,5				
	đ) Từ 50% đến dưới 70%	0,25				
	e) Dưới 50%	0				
Chỉ tiêu 3	Thông tin, giới thiệu về trợ giúp pháp lý theo đúng quy định pháp luật về trợ giúp pháp lý <i>Tỷ lệ % = (Tổng số người thuộc diện trợ giúp pháp lý là người bị buộc tội, bị hại, đương sự trong các vụ việc tham gia tố tụng được thông tin, giới thiệu đến Trung tâm để thực hiện quyền được trợ giúp pháp lý/Tổng số người thuộc diện trợ giúp pháp lý là người bị buộc tội, bị hại, đương sự trong các vụ việc tham gia tố tụng cư trú trên địa bàn mà Ủy ban nhân dân cấp xã có được thông tin theo quy định) x 100</i> <i>(Trong năm không phát sinh vụ, việc trợ giúp pháp lý liên quan đến người thuộc diện trợ giúp pháp lý là người bị buộc tội, bị hại, đương sự trong các vụ việc tham gia tố tụng được tính 04 điểm)</i>	4	<i>Không phát sinh vụ, việc trợ giúp pháp lý</i>		4	
	a) Đạt 100%	4			4	
	b) Từ 90% đến dưới 100%	3				
	c) Từ 80% đến dưới 90%	2				
	d) Từ 70% đến dưới 80%	1				
	đ) Từ 50% đến dưới 70%	0,25				
	e) Dưới 50%	0				
Tiêu chí 4	Thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn	20			20	
Chỉ tiêu 1	Tổ chức trao đổi, đối thoại với Nhân dân theo đúng quy định pháp luật về tổ chức chính quyền địa phương	3			3	
	1. Tổ chức hội nghị trao đổi, đối thoại với Nhân dân	2				
	a) Có tổ chức hội nghị	2	01		2	
	b) Không tổ chức hội nghị	0				
	2. Thông báo về thời gian, địa điểm, nội dung của hội nghị theo đúng quy định pháp luật	1	Có		1	
	a) Thông báo đúng thời hạn, đúng hình thức	1	Có		1	

	b) Không thông báo hoặc có thông báo nhưng không đúng thời hạn hoặc không đúng hình thức	0				
Chỉ tiêu 2	Tổ chức để Nhân dân bàn, quyết định trực tiếp các nội dung theo đúng quy định pháp luật về thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn <i>Tỷ lệ % = (Tổng số nội dung đã đưa ra Nhân dân bàn, quyết định trực tiếp đúng hình thức, yêu cầu theo quy định pháp luật/Tổng số nội dung pháp luật quy định phải tổ chức để Nhân dân bàn, quyết định trực tiếp) x 100</i>	4	7/7	100%	4	
	a) Đạt 100%	4	7/7	100%		
	b) Từ 90% đến dưới 100%	3				
	c) Từ 80% đến dưới 90%	2				
	d) Từ 70% đến dưới 80%	1				
	đ) Từ 50% đến dưới 70%	0,25				
	e) Dưới 50%	0				
Chỉ tiêu 3	Tổ chức để Nhân dân bàn, biểu quyết các nội dung theo đúng quy định pháp luật về thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn <i>Tỷ lệ % = (Tổng số nội dung đã đưa ra Nhân dân bàn, biểu quyết đúng hình thức, yêu cầu theo quy định pháp luật/Tổng số nội dung pháp luật quy định phải tổ chức để Nhân dân bàn, biểu quyết) x 100</i>	4		100%		
	a) Đạt 100%	4	7/7	100%	4	
	b) Từ 90% đến dưới 100%	3				
	c) Từ 80% đến dưới 90%	2				
	d) Từ 70% đến dưới 80%	1				
	đ) Từ 50% đến dưới 70%	0,25				
	e) Dưới 50%	0				
Chỉ tiêu 4	Tổ chức để Nhân dân tham gia ý kiến các nội dung theo đúng quy định pháp luật về thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn <i>Tỷ lệ % = (Tổng số nội dung đã đưa ra Nhân dân tham gia ý kiến đúng hình thức, yêu cầu và thực hiện tổng hợp, tiếp thu, thông báo việc tổng hợp, tiếp thu ý kiến của Nhân dân theo quy định pháp luật/Tổng số nội dung pháp luật quy định phải tổ chức để Nhân dân tham gia ý kiến) x 100</i>	4	1/1	100%	4	
	a) Đạt 100%	4	1/1	100%	4	
	b) Từ 90% đến dưới 100%	3				
	c) Từ 80% đến dưới 90%	2				
	d) Từ 70% đến dưới 80%	1				
	đ) Từ 50% đến dưới 70%	0,25				

	e) Dưới 50%	0				
Chỉ tiêu 5	Tổ chức đề Nhân dân trực tiếp hoặc thông qua Ban Thanh tra nhân dân, Ban giám sát đầu tư của cộng đồng thực hiện giám sát các nội dung theo đúng quy định pháp luật về thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn	5			5	
	1. Các nội dung đề Nhân dân giám sát	4				
	a) Tổ chức giám sát từ 04 (bốn) nội dung trở lên	4	5		4	
	b) Tổ chức giám sát 03 (ba) nội dung	3				
	c) Tổ chức giám sát 02 (hai) nội dung	2				
	d) Tổ chức giám sát 01 (một) nội dung	1				
	đ) Không tổ chức giám sát	0				
	2. Cung cấp đầy đủ, kịp thời các thông tin, tài liệu cần thiết cho Ban thanh tra nhân dân, Ban giám sát đầu tư của cộng đồng	1	Đầy đủ		1	
Tiêu chí 5	Tổ chức tiếp công dân, giải quyết kiến nghị, phản ánh, khiếu nại, tố cáo, thủ tục hành chính; bảo đảm an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội	25				
Chỉ tiêu 1	Tổ chức tiếp công dân, tiếp nhận, giải quyết kiến nghị, phản ánh, khiếu nại, tố cáo theo đúng quy định pháp luật về tiếp công dân, khiếu nại, tố cáo	7				
	1. Tổ chức tiếp công dân	3	13/13		3	
	a) Có nội quy tiếp công dân	0,5	Có		0,5	
	b) Bố trí địa điểm, các điều kiện cần thiết, phân công người tiếp công dân; niêm yết công khai lịch tiếp công dân của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã tại trụ sở	0,5	Đầy đủ		0,5	
	c) Thực hiện đầy đủ, đúng trách nhiệm tiếp công dân tại trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã (ít nhất 01 ngày trong 01 tuần) và tiếp công dân đột xuất (nếu có)	1	Đầy đủ		1	
	d) Phối hợp, xử lý kịp thời vụ việc nhiều người cùng khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh về một nội dung; bảo đảm an toàn, trật tự cho hoạt động tiếp công dân	1	Kịp thời		1	
	2. Tiếp nhận, giải quyết kiến nghị, phản ánh <i>Tỷ lệ % = (Tổng số kiến nghị, phản ánh được giải quyết đúng quy định pháp luật/Tổng số kiến nghị, phản ánh đủ điều kiện giải quyết đã được tiếp nhận) x 100 (Trong năm đánh giá không có kiến nghị, phản ánh được tính 02 điểm)</i>	2	12/12	100%	2	
	a) Đạt 100%	2	12/12	100%	2	
	b) Từ 90% đến dưới 100%	1,5				
	c) Từ 80% đến dưới 90%	1				
	d) Từ 70% đến dưới 80%	0,5				

	đ) Từ 50% đến dưới 70%	0,25				
	e) Dưới 50%	0				
	3. Tiếp nhận, giải quyết khiếu nại, tố cáo <i>Tỷ lệ % = (Tổng số khiếu nại, tố cáo được giải quyết đúng quy định pháp luật/Tổng số khiếu nại, tố cáo đủ điều kiện giải quyết đã được tiếp nhận) x 100</i> <i>(Trong năm đánh giá không có khiếu nại, tố cáo được tính 02 điểm)</i>	2	Không có khiếu nại, tố cáo	100%	2	
	a) Đạt 100%	2				
	b) Từ 90% đến dưới 100%	1,5				
	c) Từ 80% đến dưới 90%	1				
	d) Từ 70% đến dưới 80%	0,5				
	đ) Từ 50% đến dưới 70%	0,25				
	e) Dưới 50%	0				
Chỉ tiêu 2	Tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính theo đúng quy định pháp luật về giải quyết thủ tục hành chính <i>Tỷ lệ % = (Tổng số hồ sơ thủ tục hành chính được giải quyết đúng quy định pháp luật/Tổng số hồ sơ thủ tục hành chính đủ điều kiện giải quyết đã được tiếp nhận) x 100</i>	7	2323/2323	100%	7	
	a) Đạt 100%	7	2323/2323	100%	7	
	b) Từ 95% đến dưới 100%	6				
	c) Từ 90% đến dưới 95%	5				
	d) Từ 85% đến dưới 90%	4				
	đ) Từ 80% đến dưới 85%	3				
	e) Từ 75% đến dưới 80%	2				
	g) Từ 70% đến dưới 75%	1				
	h) Từ 50% đến dưới 70%	0,25				
	i) Dưới 50%	0				
Chỉ tiêu 3	Không có cán bộ, công chức bị xử lý kỷ luật hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự	5	không		5	
	a) Không có cán bộ, công chức bị xử lý kỷ luật hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự	5				
	b) Có cán bộ, công chức bị xử lý kỷ luật hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự	0				
Chỉ tiêu 4	Đạt tiêu chuẩn “An toàn về an ninh, trật tự” theo đúng quy định pháp luật về an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội	6	Đạt		6	
	a) Đạt tiêu chuẩn “An toàn về an ninh, trật tự”	6				
	b) Không đạt tiêu chuẩn “An toàn về an ninh, trật tự”	0				
	Tổng điểm (3) :	100			95	

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

NGƯỜI THỰC HIỆN

Tưởng Đăng Hào

Trần Thị Ngọc Cẩm